

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH MINH HÀ THÀNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BÌNH MINH HÀ THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH MINH HA THANH INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109298715

3. Ngày thành lập: 10/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 7, ngách 100, ngõ 164, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
3.	Khai thác quặng sắt	0710
4.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Quảng cáo	7310
8.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4662
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	5224
11.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết:- Cho thuê ô tô;- Cho thuê xe có động cơ khác	7710
12.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
13.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
14.	Khai thác và thu gom than non	0520
15.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
16.	Khai thác và thu gom than bùn	0892

17.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa tấm chắn và cửa sổ, + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, + Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, + Xử lý chống gỉ, + Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;	4520
18.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Đấu giá)	4511
19.	Bán mô tô, xe máy (Trừ Đấu giá)	4541
20.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
21.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ Đấu giá)	4543
22.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
23.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo,	4390
24.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
25.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

27.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;	4663
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
29.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
30.	Tái chế phế liệu	3830
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
33.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản (Mục 4 chương IV Luật kinh doanh bất động sản 2014) (không bao gồm kinh doanh, môi giới, định giá và quản lý sàn giao dịch bất động sản)	6820
34.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet;	6190
35.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651(Chính)
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
37.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
41.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
42.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
43.	In ấn	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in	1812

45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế: bông, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;	4649
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...(trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn bột giấy; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ loại Nhà nước cấm)	4669
47.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
49.	Khai thác gỗ	0220
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
55.	Thu gom rác thải độc hại (trừ loại Nhà nước cấm)	3812
56.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
57.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
58.	Thu nhật lâm sản khác trừ gỗ	0232
59.	Xây dựng công trình điện	4221
60.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
61.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
62.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý bán hàng hóa	4610
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ CÔNG ĐỊNH	Thôn Thành An, Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	20,000	036082002153	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	20,000		
2	PHẠM CHÍ	402 Nhà 1, TT TTXVN, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	001065013051	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000		

3	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Tổ 18, Cụm 4, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	120.000	1.200.000.000	40,000	013157979
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	120.000	1.200.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM CHÍ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/02/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001065013051

Ngày cấp: 03/05/2018

Nơi cấp: Cục ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 402 Nhà 1, TT TTXVN, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 36, Ngách 12, ngõ 163, đường Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội